

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1327/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1980; cư trú tại khu phố T T 1, thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh G, sinh năm 1977; cư trú tại khu phố T T 1, thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh G kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh G có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống

hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh G không lo lắng cho gia đình, vợ, con. Số tiền anh G đi làm có được thì anh G chỉ tiêu xài cá nhân, chị hỏi thì anh G nhiều lần đánh đập chị phải nhập viện điều trị. Do đó chị và anh G không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, anh G không một lần tìm gặp chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị và anh G không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh G.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Huỳnh Trần Nhã L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005 và cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2009; hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Nếu Tòa án cho vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Chị xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Huỳnh Thanh G; chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị. Hiện nay chị và anh G không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Thanh G trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Trần Thị T như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị T thường xuyên bỏ nhà đi về phía cha mẹ của chị T ở. Anh có hỏi thì chị T nói về nuôi cha mẹ ốm. Ngoài ra chị T không lo làm mà thường xuyên đánh bạc dẫn đến anh và chị T thường xuyên xảy ra kinh cãi. Anh và chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Trong khoảng thời gian không chung sống với nhau, giữa anh và chị T không quan tâm gì đến nhau. Anh thừa nhận hiện nay anh và chị T không còn tình cảm gì với nhau, nhưng vì thương các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Huỳnh Trần Nhã L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005 và cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2009; hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh. Hiện nay anh và chị T không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án. Các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh G; giao con chung của chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G là cháu Huỳnh Trần Nhã L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005 và cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2009 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; chị Trần Thị T không yêu cầu anh Huỳnh Thanh G cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị Trần Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung; chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị T và không xem xét giải quyết về tài sản chung của chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G. Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung cho chị Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh Huỳnh Thanh G cư trú tại khu phố T T 1, thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là tự nguyện và bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2004. Việc kết hôn giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G là hợp pháp. Chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh G vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do anh G không lo lắng cho gia đình, vợ, con; số tiền anh G đi làm có được thì anh G chỉ tiêu xài cá nhân, chị nói chuyện thì anh G nhiều lần đánh đập

chị phải nhập viện điều trị; chị và anh G không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay; từ khi không còn sống chung với nhau thì anh G không một lần tìm gặp chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Huỳnh Thanh G cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do chị T thường xuyên bỏ nhà đi về phía cha mẹ của chị T ở; anh có hỏi thì chị T nói về nuôi cha mẹ ốm; ngoài ra chị T không lo làm mà thường xuyên đánh bạc dẫn đến anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; anh và chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay; trong khoảng thời gian không chung sống với nhau, giữa anh và chị T không quan tâm gì đến nhau; anh thừa nhận hiện nay anh và chị T không còn tình cảm gì với nhau, nhưng vì thương các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G để tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G nhưng giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ khi Tòa án tiến hành hoà giải đến nay thì chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G không sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Anh Huỳnh Thanh G thừa nhận giữa anh G và chị T không còn tình cảm gì với nhau, nhưng vì thương các con nên anh G không đồng ý ly hôn với chị T. Do đó có căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh G.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G thống nhất có hai người con chung là cháu Huỳnh Trần Nhã L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005 và cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2009. Trường hợp ly hôn thì chị T và anh G đều thống nhất giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Huỳnh Trần Nhã L và cháu Huỳnh Đăng K đều có nguyện vọng ở với chị T. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu L và cháu K, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Huỳnh Trần Nhã L và cháu Huỳnh Đăng K cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Huỳnh Thanh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Anh Huỳnh Thanh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Huỳnh Thanh G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị T. Khi cần thiết chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho chị Trần Thị T số tiền 25.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Huỳnh Thanh G.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 31 tháng 5 năm 2004 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G là cháu Huỳnh Trần Nhã L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005 và cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2009 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; hiện nay chị Trần Thị T đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Huỳnh Thanh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Huỳnh Thanh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Huỳnh Thanh G không được lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị T. Khi cần thiết chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung. Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Thanh G không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006087 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định. Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005847 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 08 tháng 4 năm 2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

